

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Câu 1: Khối bát diện đều có bao nhiêu mặt phẳng đối xứng?

- A. 4. B. 6. C. 8. D. 9.

Câu 2: Đường thẳng nào dưới đây là đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số $y = \frac{3-2x}{x-1}$?

- A. $y = 3$. B. $y = -2$. C. $x = 1$. D. $x = -2$.

Câu 3: Tích của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $f(x) = -x^3 + 2x^2 - 1$ trên đoạn $[-1; 2]$ là

- A. $-\frac{43}{27}$. B. $-\frac{5}{27}$. C. -2 . D. $-\frac{50}{27}$.

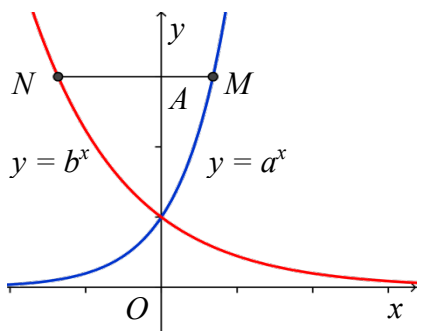
Câu 4: Cho hình thang $ABCD$ vuông tại A và B với $AD = 2AB = 2BC = 2a$. Quay hình thang và miền trong của nó quanh đường thẳng chứa cạnh BC . Tính thể tích V của khối tròn xoay được tạo thành.

- A. $V = \frac{5\pi a^3}{3}$. B. $V = \frac{7\pi a^3}{3}$. C. $V = \frac{4\pi a^3}{3}$. D. $V = \pi a^3$.

Câu 5: Khối đa diện đều nào sau đây có các mặt không phải là tam giác đều?

- A. Bát diện đều. B. Tứ diện đều. C. Nhị thập diện đều. D. Thập nhị diện đều.

Câu 6: Cho các số thực a, b khác 1. Biết rằng bất kỳ đường thẳng nào song song với trục Ox mà cắt các đường $y = a^x$, $y = b^x$, trục tung lần lượt tại M , N và A thì $AN = 2AM$ (hình vẽ bên). Mệnh đề nào sau đây đúng?



- A. $b = 2a$. B. $a^2 = b$. C. $ab = \frac{1}{2}$. D. $ab^2 = 1$.

Câu 7: Cho $f(x) = 5^x$ thì $f(x+2) - f(x)$ bằng?

- A. 24. B. 25. C. $25f(x)$. D. $24f(x)$.

Câu 8: Đồ thị hàm số nào dưới đây có tiệm cận đứng?

- A. $y = 2^x$. B. $y = \frac{x^2 - 4x + 3}{x - 1}$. C. $y = \log_2 x$. D. $y = \frac{x^2}{x^2 + 1}$.

Câu 9: Một chất điểm chuyển động có vận tốc tức thời $v(t)$ phụ thuộc vào thời gian t theo hàm số $v(t) = -t^4 + 8t^2 + 500$ (m/s). Trong khoảng thời gian $t = 0$ (s) đến $t = 5$ (s) chất điểm đạt vận tốc lớn nhất tại thời điểm nào?

- A. $t = 1$. B. $t = 4$. C. $t = 2$. D. $t = 0$.

Câu 10: Cho biểu thức $P = \left\{ a^{\frac{1}{3}} \left[a^{-\frac{1}{2}} b^{-\frac{1}{3}} (a^2 b^2)^{\frac{2}{3}} \right]^{-\frac{1}{2}} \right\}^6$ với a, b là các số dương. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $P = \frac{b^3 \sqrt{a}}{a}$. B. $P = \frac{\sqrt{a}}{b^3}$. C. $P = b^3 \sqrt{a}$. D. $P = \frac{\sqrt{a}}{ab^3}$.

Câu 11: Tìm tất cả các giá trị thực của m để hai đường thẳng $d: y = mx - 3$ và $\Delta: y + x = m$ cắt nhau tại một điểm nằm trên trục hoành.

- A. $m = \sqrt{3}$. B. $m = \pm \sqrt{3}$. C. $m = 3$. D. $m = -\sqrt{3}$.

Câu 12: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh $4a$. Gọi H là điểm thuộc đường thẳng AB sao cho $3\overrightarrow{HA} + \overrightarrow{HB} = 0$. Hai mặt phẳng (SAB) và (SHC) đều vuông góc với mặt phẳng đáy. Tính khoảng cách từ B đến mặt phẳng (SHC) .

- A. $\frac{5a}{6}$. B. $\frac{12a}{5}$. C. $\frac{6a}{5}$. D. $\frac{5a}{12}$.

Câu 13: Cho $x^2; \frac{1}{2}; y^2$ theo thứ tự lập thành một cấp số cộng. Gọi M, m lần lượt là giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của biểu thức $P = \sqrt{3}xy + y^2$. Tính $S = M + m$.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. $\frac{\sqrt{3}}{2} - \frac{1}{2}$.

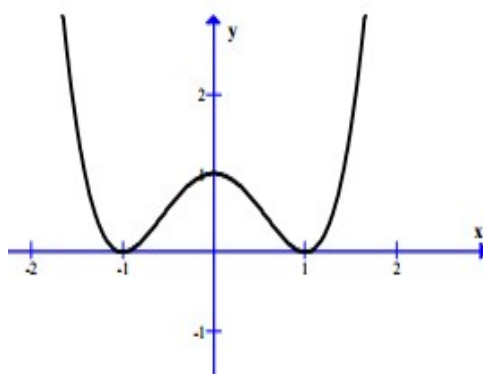
Câu 14: Hai người ngang tài ngang sức tranh chức vô địch của một cuộc thi cờ tướng. Người giành chiến thắng là người đầu tiên thắng được năm ván cờ. Tại thời điểm người chơi thứ nhất đã thắng 4 ván và người chơi thứ hai mới thắng 2 ván, tính xác suất để người chơi thứ nhất giành chiến thắng.

- A. $\frac{4}{5}$. B. $\frac{7}{8}$. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{3}{4}$.

Câu 15: Cho hàm số $y = x^\pi$. Tính $y''(1)$.

- A. $y''(1) = 0$. B. $y''(1) = \ln^2 \pi$. C. $y''(1) = \pi \ln \pi$. D. $y''(1) = \pi(\pi - 1)$.

Câu 16: Cho hàm số $f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và có đồ thị như hình vẽ dưới đây, hàm số $f(x)$ đồng biến trên khoảng nào sau đây?



- A. $(-\infty; -1)$. B. $(1; +\infty)$. C. $(-1; 1)$. D. $(-\infty; 0)$.

Câu 17: Tìm tất cả các giá trị của tham số m để đồ thị (C) của hàm số $y = x^3 - 3x + m$ cắt trục hoành tại đúng 3 điểm phân biệt.

- A. $m \in \mathbb{R}$. B. $m \in (2; +\infty)$. C. $m \in (-2; 2)$. D. $m \in (-\infty; -2)$.

Câu 18: Phương trình $2\sin^2 x + \sqrt{3}\sin 2x = 3$ có họ nghiệm là (với $k \in \mathbb{Z}$):

- A. $x = \frac{4\pi}{3} + k\pi$. B. $x = \frac{5\pi}{3} + k\pi$. C. $x = \frac{\pi}{3} + k\pi$. D. $x = \frac{2\pi}{3} + k\pi$.

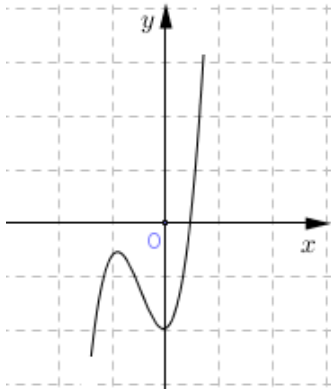
Câu 19: Khoảng cách từ điểm $M(1; -1)$ đến đường thẳng $\Delta: 3x + y + 4 = 0$ là:

- A. 1. B. $\frac{3\sqrt{10}}{5}$. C. $\frac{5}{2}$. D. $2\sqrt{10}$.

Câu 20: Phương trình $\log_3(x^2 - 6) = \log_3(x - 2) + 1$ có bao nhiêu nghiệm?

- A. 3. B. 1. C. 0. D. 2.

Câu 21: Cho hàm số $y = ax^3 + bx^2 + cx + d$ có đồ thị là đường cong như hình vẽ bên. Mệnh đề nào dưới đây đúng?



- A. $a > 0, b > 0, c = 0, d < 0$. B. $a > 0, b = 0, c < 0, d < 0$.
C. $a > 0, b = 0, c > 0, d < 0$. D. $a > 0, b < 0, c = 0, d < 0$.

Câu 22: Biết thể tích khí CO_2 năm 1998 là $V(m^3)$. 10 năm tiếp theo, mỗi năm thể tích khí CO_2 tăng $a\%$, 10 năm tiếp theo nữa, mỗi năm thể tích khí CO_2 tăng $n\%$. Thể tích khí CO_2 năm 2016 là.

- A. $V_{2016} = V + V \cdot (1 + a + n)^{18} (m^3)$. B. $V_{2016} = V \cdot (1 + a + n)^{18} (m^3)$.
C. $V_{2016} = V \cdot \frac{((100 + a)(100 + n))^{10}}{10^{20}} (m^3)$. D. $V_{2016} = V \cdot \frac{(100 + a)^{10} \cdot (100 + n)^8}{10^{36}} (m^3)$.

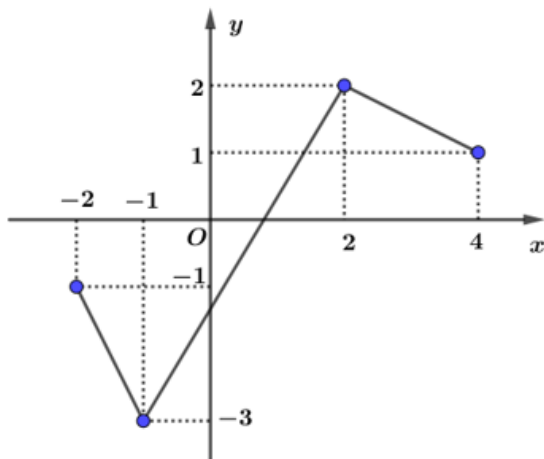
Câu 23: Tìm số hạng không chứa x trong khai triển $\left(2x - \frac{1}{x^2}\right)^6$, $x \neq 0$.

- A. 240. B. 15. C. -240. D. -15.

Câu 24: Cho hàm số $y = -2x^3 + 6x^2 - 5$ có đồ thị (C) . Phương trình tiếp tuyến của (C) tại điểm M thuộc (C) và có hoành độ bằng 3 là

- A. $y = 18x + 49$. B. $y = 18x - 49$. C. $y = -18x + 49$. D. $y = -18x - 49$.

Câu 25: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị trên đoạn $[-2; 4]$ như hình vẽ bên. Tìm $\max_{[-2; 4]} |f(x)|$.



- A. 2. B. $|f(0)|$. C. 3. D. 1.

Câu 26: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ với bảng xét dấu đạo hàm như sau

x	$-\infty$	-3		1		2		$+\infty$
$f'(x)$		$-$	0	$+$	0	$+$	0	$-$

Số điểm cực trị của hàm số $y = f(x)$ là.

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 0.

Câu 27: Hình trụ có bán kính đáy bằng a và thiết diện qua trục là hình vuông, diện tích xung quanh hình trụ đó bằng

- A. $3\pi a^2$. B. $\frac{\pi a^2}{2}$. C. $4\pi a^2$. D. πa^2 .

Câu 28: Cho hình chóp đều $S.ABCD$ có cạnh đáy bằng a và cạnh bên tạo với đáy một góc 60° . Thể tích của hình chóp đều đó là

- A. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$. B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$. C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$. D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{2}$.

Câu 29: Cho hình nón có đường sinh $l = 5$, bán kính đáy $r = 3$. Diện tích toàn phần của hình nón đó là

- A. $S_{tp} = 24\pi$. B. $S_{tp} = 15\pi$. C. $S_{tp} = 20\pi$. D. $S_{tp} = 22\pi$.

Câu 30: Cho hình chóp tứ giác $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh bằng a , $SA \perp (ABC)$, $SA = 3a$. Thể tích của khối chóp $S.ABCD$ là

- A. $V = 6a^3$. B. $V = 3a^3$. C. $V = a^3$. D. $V = 2a^3$.

Câu 31: Cho hàm số $y = \frac{x+3}{x+2}$. Khẳng định nào sau đây là đúng.

- A. Hàm số đồng biến trên $\mathbb{R}$.
 B. Hàm số đồng biến trên $(-\infty; -2)$ và $(-2; +\infty)$.
 C. Hàm số nghịch biến trên $\mathbb{R} \setminus \{-2\}$.
 D. Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; -2)$ và $(-2; +\infty)$.

Câu 32: Nghiệm dương nhỏ nhất của phương trình $2\sin x + 2\sqrt{2}\sin x \cos x = 0$ là:

- A. $x = \pi$. B. $x = \frac{\pi}{4}$. C. $x = \frac{\pi}{3}$. D. $x = \frac{3\pi}{4}$.

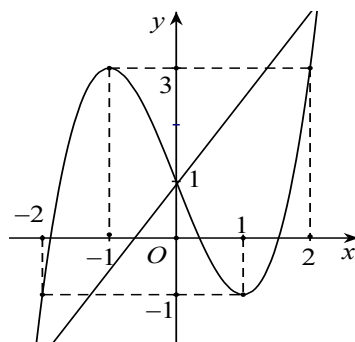
Câu 33: Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm $f'(x) = x^2(x^2 - 4)$, $x \in \mathbb{R}$. Mệnh đề nào sau đây là đúng?

- A. Hàm số đã cho có 3 điểm cực trị. B. Hàm số đã cho đạt cực đại tại $x = 2$.
 C. Hàm số đã cho đạt cực tiểu tại $x = -2$. D. Hàm số đã cho có 2 điểm cực trị.

Câu 34: Tìm m để đồ thị hàm số $y = \frac{x-2}{x^2-2x+m}$ có ba đường tiệm cận?

- A. $m < 1$ và $m \neq 0$. B. $m < 1$. C. $m \leq 1$ và $m \neq 0$. D. $m \leq 1$.

Câu 35: Đường cong ở hình bên là đồ thị của một trong bốn hàm số dưới đây. Hàm số đó là hàm số nào?



- A. $y = x^4 - 2x^2 + 1$. B. $y = x^3 - 3x^2 + 1$. C. $y = x^3 - 3x + 1$. D. $y = -x^3 + 3x + 1$.

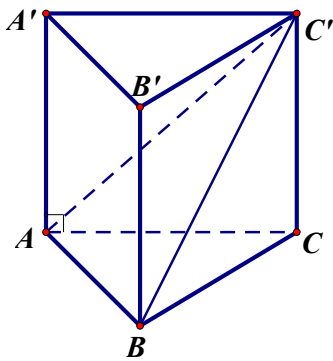
Câu 36: Có bao nhiêu giá trị nguyên và không âm của tham số m để hàm số $y = mx^4 - (m-6)x^2 - 1$ có đúng một điểm cực tiểu.

- A. 7. B. 8. C. 6. D. 5.

Câu 37: Cho phương trình $4^{-|x-m|} \log_{\sqrt{2}}(x^2 - 2x + 3) + 2^{-x^2+2x} \log_{\frac{1}{2}}(2|x-m|+2) = 0$. Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình trên có đúng hai nghiệm thực phân biệt.

- A. $m < -\frac{3}{2}$ hoặc $m > -\frac{1}{2}$. B. $m < \frac{1}{2}$ hoặc $m > \frac{3}{2}$.
C. $m > -\frac{1}{2}$. D. $m < \frac{3}{2}$.

Câu 38: Cho hình lăng trụ đều $ABC.A'B'C'$. Biết khoảng cách từ điểm C đến mặt phẳng (ABC') bằng a , góc giữa hai mặt phẳng (ABC') và $(BCC'B')$ bằng α với $\cos \alpha = \frac{1}{2\sqrt{3}}$ (tham khảo hình vẽ bên dưới). Thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:



- A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{2}$. B. $\frac{3a^3\sqrt{2}}{2}$. C. $\frac{3a^3\sqrt{2}}{4}$. D. $\frac{3a^3\sqrt{2}}{8}$.

Câu 39: Hàm số $f(x) = mx + \cos x$ đồng biến trên khoảng $\left(0; \frac{\pi}{2}\right)$ khi và chỉ khi giá trị của m thuộc khoảng nào sau đây?

- A. $(0; +\infty)$. B. $[1; +\infty)$. C. $(0; +\infty)$. D. $(1; +\infty)$.

Câu 40: Cho parabol $(P): y = ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$). Xét dấu hệ số a và biệt thức Δ khi (P) cắt trục hoành tại hai điểm phân biệt và có đỉnh nằm phía trên trục hoành.

- A. $a < 0, \Delta > 0$. B. $a > 0, \Delta < 0$. C. $a < 0, \Delta < 0$. D. $a > 0, \Delta > 0$.

Câu 41: Tìm giới hạn $A = \lim_{x \rightarrow -2} \frac{x+1}{x^2+x+4}$.

- A. $-\frac{1}{6}$. B. $-\infty$. C. $+\infty$. D. 1.

Câu 42: Số mặt phẳng cách đều tất cả các đỉnh của một hình lăng trụ tam giác là:

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 43: Tìm tập xác định của D của hàm số $y = \frac{\sqrt{3x-1}}{\log(3x)}$.

- A. $D = (0; +\infty)$. B. $\left[\frac{1}{3}; +\infty\right)$. C. $D = (0; +\infty) \setminus \left\{\frac{1}{3}\right\}$. D. $D = \left(\frac{1}{3}; +\infty\right)$.

Câu 44: Cho hình chóp $S.ABC$ có $\widehat{ASB} = \widehat{CSB} = 60^\circ$, $\widehat{ASC} = 90^\circ$, $SA = SB = SC = a$. Tính khoảng cách d từ điểm A đến mặt phẳng (SBC) .

A. $d = \frac{a\sqrt{6}}{3}$.

B. $d = 2a\sqrt{6}$.

C. $d = a\sqrt{6}$.

D. $d = \frac{2a\sqrt{6}}{3}$.

Câu 45: Một cơ sở sản xuất khăn mặt đang bán mỗi chiếc khăn với giá 30.000 đồng một chiếc và mỗi tháng cơ sở bán được trung bình 3000 chiếc khăn. Cơ sở sản xuất đang có kế hoạch tăng giá bán để có lợi nhuận tốt hơn. Sau khi tham khảo thị trường, người quản lý thấy rằng nếu từ mức giá 30.000 đồng mà cứ tăng giá thêm 1000 đồng thì mỗi tháng sẽ bán ít hơn 100 chiếc. Biết vốn sản xuất một chiếc khăn không thay đổi là 18.000. Hỏi cơ sở sản xuất phải bán với giá mới là bao nhiêu để đạt lợi nhuận lớn nhất.

A. 43.000 đồng.

B. 39.000 đồng.

C. 42.000 đồng.

D. 40.000 đồng.

Câu 46: Có bao nhiêu giá trị nguyên của tham số $m \in [-10; 10]$ để hàm số $y = |mx^3 - 3mx^2 + (3m - 2)x + 2 - m|$ có 5 điểm cực trị?

A. 11.

B. 9.

C. 7.

D. 10.

Câu 47: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật cạnh $AB = a$, $AD = 2a$. Mặt phẳng (SAB) và (SAC) cùng vuông góc với $(ABCD)$. Gọi H là hình chiếu vuông góc của A trên SD . Tính khoảng cách giữa AH và SC biết $AH = a$.

A. $\frac{\sqrt{19}}{19}a$.

B. $\frac{2\sqrt{19}}{19}a$.

C. $\frac{\sqrt{73}}{73}a$.

D. $\frac{2\sqrt{73}}{73}a$.

Câu 48: Phương trình $\log_2 x \cdot \log_4 x \cdot \log_6 x = \log_2 x \cdot \log_4 x + \log_2 x \cdot \log_6 x + \log_4 x \cdot \log_6 x$ có tập nghiệm là

A. $\{2; 4; 6\}$.

B. $\{1; 48\}$.

C. $\{1\}$.

D. $\{1; 12\}$.

Câu 49: Trong không gian cho đường thẳng Δ và điểm O . Qua O có bao nhiêu đường thẳng vuông góc với đường thẳng Δ ?

A. 3.

B. Vô số.

C. 1.

D. 2.

Câu 50: Đường phân giác của góc nhọn tạo bởi 2 đường thẳng $d_1: 3x + 4y - 5 = 0$ và $d_2: 5x - 12y + 3 = 0$ có phương trình:

A. $7x + 56y + 40 = 0$.

B. $8x - 8y - 1 = 0$.

C. $7x + 56y - 40 = 0$.

D. $64x - 8y - 53 = 0$.

----- HẾT -----

made	cautron	dapan	made	cautron	dapan	made	cautron	dapan	made	cautron	dapan
132	1	D	209	1	D	357	1	A	485	1	C
132	2	B	209	2	A	357	2	A	485	2	B
132	3	C	209	3	A	357	3	B	485	3	B
132	4	A	209	4	D	357	4	A	485	4	B
132	5	D	209	5	D	357	5	A	485	5	C
132	6	D	209	6	C	357	6	D	485	6	A
132	7	D	209	7	C	357	7	A	485	7	A
132	8	C	209	8	B	357	8	A	485	8	D
132	9	C	209	9	D	357	9	A	485	9	A
132	10	D	209	10	B	357	10	B	485	10	A
132	11	B	209	11	D	357	11	A	485	11	A
132	12	B	209	12	D	357	12	C	485	12	B
132	13	A	209	13	B	357	13	B	485	13	A
132	14	B	209	14	A	357	14	D	485	14	C
132	15	D	209	15	D	357	15	C	485	15	A
132	16	B	209	16	A	357	16	D	485	16	D
132	17	C	209	17	B	357	17	C	485	17	C
132	18	C	209	18	A	357	18	D	485	18	B
132	19	B	209	19	B	357	19	B	485	19	A
132	20	B	209	20	B	357	20	A	485	20	A
132	21	A	209	21	A	357	21	C	485	21	C
132	22	D	209	22	D	357	22	B	485	22	A
132	23	A	209	23	C	357	23	A	485	23	C
132	24	C	209	24	A	357	24	D	485	24	B
132	25	C	209	25	A	357	25	B	485	25	C
132	26	C	209	26	B	357	26	A	485	26	D
132	27	C	209	27	C	357	27	D	485	27	D
132	28	A	209	28	B	357	28	C	485	28	D
132	29	A	209	29	D	357	29	C	485	29	D
132	30	C	209	30	A	357	30	B	485	30	B
132	31	D	209	31	B	357	31	C	485	31	D
132	32	D	209	32	B	357	32	D	485	32	B
132	33	D	209	33	C	357	33	B	485	33	B
132	34	A	209	34	C	357	34	A	485	34	C
132	35	C	209	35	A	357	35	B	485	35	A
132	36	A	209	36	B	357	36	A	485	36	C
132	37	B	209	37	A	357	37	D	485	37	C
132	38	B	209	38	C	357	38	C	485	38	D
132	39	B	209	39	C	357	39	A	485	39	D
132	40	A	209	40	A	357	40	C	485	40	C
132	41	A	209	41	C	357	41	C	485	41	A
132	42	C	209	42	C	357	42	A	485	42	B
132	43	D	209	43	A	357	43	B	485	43	B
132	44	A	209	44	D	357	44	B	485	44	D
132	45	B	209	45	D	357	45	D	485	45	C

132	46	D	209	46	D	357	46	C	485	46	C
132	47	A	209	47	C	357	47	B	485	47	A
132	48	B	209	48	B	357	48	D	485	48	D
132	49	B	209	49	A	357	49	D	485	49	D
132	50	C	209	50	A	357	50	D	485	50	A

made	cautron	dapan	made	cautron	dapan	made	cautron	dapan	made	cautron	dapan
570	1	B	628	1	B	743	1	D	896	1	A
570	2	C	628	2	C	743	2	D	896	2	B
570	3	A	628	3	B	743	3	C	896	3	D
570	4	B	628	4	A	743	4	C	896	4	C
570	5	A	628	5	A	743	5	A	896	5	D
570	6	D	628	6	C	743	6	C	896	6	A
570	7	D	628	7	D	743	7	D	896	7	B
570	8	B	628	8	C	743	8	B	896	8	B
570	9	C	628	9	B	743	9	B	896	9	B
570	10	A	628	10	C	743	10	B	896	10	B
570	11	D	628	11	B	743	11	B	896	11	D
570	12	D	628	12	D	743	12	D	896	12	D
570	13	C	628	13	A	743	13	C	896	13	B
570	14	A	628	14	D	743	14	B	896	14	B
570	15	C	628	15	D	743	15	C	896	15	D
570	16	B	628	16	C	743	16	A	896	16	B
570	17	D	628	17	A	743	17	A	896	17	A
570	18	B	628	18	C	743	18	D	896	18	A
570	19	C	628	19	B	743	19	C	896	19	C
570	20	A	628	20	D	743	20	B	896	20	A
570	21	A	628	21	A	743	21	D	896	21	A
570	22	B	628	22	D	743	22	B	896	22	A
570	23	B	628	23	B	743	23	B	896	23	A
570	24	C	628	24	B	743	24	A	896	24	C
570	25	A	628	25	A	743	25	D	896	25	A
570	26	D	628	26	A	743	26	C	896	26	A
570	27	C	628	27	A	743	27	C	896	27	A
570	28	C	628	28	A	743	28	B	896	28	D
570	29	A	628	29	B	743	29	D	896	29	B
570	30	D	628	30	C	743	30	B	896	30	C
570	31	D	628	31	D	743	31	A	896	31	A
570	32	D	628	32	D	743	32	A	896	32	C
570	33	C	628	33	C	743	33	B	896	33	D
570	34	A	628	34	B	743	34	A	896	34	A
570	35	B	628	35	C	743	35	A	896	35	C
570	36	B	628	36	B	743	36	D	896	36	D
570	37	D	628	37	C	743	37	D	896	37	D
570	38	B	628	38	A	743	38	D	896	38	D
570	39	A	628	39	D	743	39	B	896	39	B

570	40	B	628	40	B	743	40	C	896	40	A
570	41	A	628	41	B	743	41	A	896	41	C
570	42	C	628	42	D	743	42	A	896	42	D
570	43	A	628	43	A	743	43	D	896	43	C
570	44	A	628	44	C	743	44	D	896	44	C
570	45	C	628	45	D	743	45	C	896	45	D
570	46	B	628	46	A	743	46	A	896	46	A
570	47	D	628	47	D	743	47	A	896	47	B
570	48	D	628	48	A	743	48	B	896	48	C
570	49	A	628	49	B	743	49	C	896	49	C
570	50	C	628	50	C	743	50	C	896	50	B